

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách huyện năm 2021 sang năm 2022, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.*

*Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kéo dài
thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách huyện
năm 2021 sang năm 2022 tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số
197/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân công trình thuộc
Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách huyện năm 2021 sang năm 2022, tỉnh
Tuyên Quang, với các nội dung như sau:**

1. Tổng vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách huyện năm 2021 đến ngày 31
tháng 01 năm 2022 chưa giải ngân hết đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và
giải ngân sang năm 2022: 10.778,863 triệu đồng (*Mười tỷ, bảy trăm bảy mươi
tám triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

(Chi tiết theo biểu số 01 đính kèm)

Trong đó:

- Huyện Lâm Bình: 1.089,155 triệu đồng (*Một tỷ, không trăm tám mươi
chín triệu, một trăm năm mươi năm nghìn đồng*).

(Chi tiết theo biểu số 02 đính kèm)

- Huyện Na Hang: 1.823,46 triệu đồng (*Một tỷ, tám trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

(*Chi tiết theo biểu số 03 đính kèm*)

- Huyện Chiêm Hóa: 448,159 triệu đồng (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu, một trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

(*Chi tiết theo biểu số 04 đính kèm*)

- Huyện Yên Sơn: 7.418,09 triệu đồng (*Bảy tỷ, bốn trăm mười tám triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*).

(*Chi tiết theo biểu số 05 đính kèm*)

2. Thời gian thực hiện và giải ngân: Không quá ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3. Mức vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân trong năm 2022 không được vượt số vốn thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách huyện năm 2021 còn lại chưa giải ngân của từng công trình tại Kho bạc nhà nước và số vốn được thông qua tại nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDLPL);
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG, NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021
CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Số vốn còn lại chưa giải ngân đến ngày 31/01/2022	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	81.301,737	70.179,462	11.122,275	10.778,863	
1	Huyện Lâm Bình	23.943,129	22.853,974	1.089,155	1.089,155	Chi tiết Biểu số 02
2	Huyện Na Hang	2.153,513	330,053	1.823,460	1.823,460	Chi tiết Biểu số 03
3	Huyện Chiêm Hóa	2.853,503	2.405,344	448,159	448,159	Chi tiết Biểu số 04
4	Huyện Yên Sơn	52.351,592	44.590,090	7.761,502	7.418,090	Chi tiết Biểu số 05

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG, NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022, HUYỆN LÂM BÌNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao					Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
				Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Lý do kéo dài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
TỔNG CỘNG			121.636,997	23.943,129	3.224,517	200,000	2.128,612	18.390,000	22.853,974	1.089,155	143,733	160,000	365,502	419,920		
1	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025, xã Bình An (theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của HĐND tỉnh).	817,636	817,636	817,636				779,550	38,086	38,086				Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ		
2	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025, xã Hồng Quang	760,096	760,096	760,096				724,812	35,284	35,284				Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ		
3	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025, xã Xuân Lập	34,520	34,520	34,520				32,900	1,620	1,620				Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ		
4	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025, xã Khuôn Hà	185,475	185,475	185,475				176,886	8,589	8,589				Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ		
5	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025, xã Thượng Lâm	494,125	494,125	494,125				471,100	23,025	23,025				Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ		
6	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025, xã Phúc Yên	698,665	698,665	698,665				666,050	32,615	32,615				Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao					Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022						Ghi chú
			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				Lý do kéo dài	
				Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Xây dựng cầu bán Thảm My, thôn Nậm Đíp, xã Lăng Can	641,868	234,000	234,000				229,486	4,514	4,514				Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Cầu Ta Tè, thôn Nậm Đíp, xã Lăng Can đến chân đèo Kéo Năng, xã Khuôn Hà (GĐ1)	31.000,000	7.290,000				7.290,000	7.112,297	177,703				177,703	Theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Cầu Ta Tè, thôn Nậm Đíp, xã Lăng Can đến chân đèo Kéo Năng, xã Khuôn Hà (GĐ2)	35.900,000	11.100,000				11.100,000	10.857,783	242,217				242,217	Theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
10	Đường vào khu dân cư Nà Cọn, xã Thổ Bình	700,000	200,000		200,000			40,000	160,000		160,000			Theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
11	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025, xã Minh Quang	1.240,557	1.240,557			1.240,557		1.149,296	91,262			91,262		Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
12	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025, xã Phú Sơn	664,055	664,055			664,055		613,815	50,240			50,240		Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
13	Kè bờ suối khu Hang Hom, Nà Kềm, thôn Lũng Giêng, xã Xuân Lập	1.000,000	10,000			10,000			10,000			10,000		Theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
14	Xây dựng tuyến đường trung tâm xã Phúc Yên theo hướng đô thị	3.200,000	20,000			20,000			20,000			20,000		Theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

TT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao					Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Lý do kéo dài
				Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	Xây dựng tuyến đường trung tâm xã Bình An theo hướng đô thị	3.200,000	20,000			20,000			20,000			20,000		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
16	Đường giao thông từ Tát Nga xã Phúc Yên đến Bến thùy khu vực Nà Năm (xã Thủy Loa cũ, xã Phúc Yên (giai đoạn 1)	40.000,000	160,000			160,000			160,000			160,000		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
17	Kè chống sạt lở bờ suối bảo vệ đất sản xuất thôn Nà Cọn, xã Thổ Bình	500,000	6,000			6,000			6,000			6,000		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
18	Xây dựng đường ống dẫn nước tưới tiêu từ nhà ống Bàng đến ao cá thôn Nà Chúc, xã Hồng Quang	600,000	8,000			8,000			8,000			8,000		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG, NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022, HUYỆN NA HANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao				Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Lý do kéo dài	
			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Sự nghiệp môi trường			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Sự nghiệp môi trường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	2.153,513	26,971	326,542	1.800,000	330,053	1.823,460	4,250	19,210	1.800,000		
1	Xây dựng nhà vệ sinh và hệ thống xử lý nước thải và rác Bệnh viện dã chiến phòng chống dịch Covid - 19 và khu cách tu tập trung tại xã Năng Khả	1.800,00			1.800,00		1.800,00			1.800,00	Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
2	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021, xã Thượng Nông	166,30		166,30		154,15	12,15		12,15		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
3	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021, xã Thượng Giáp	95,50		95,50		89,63	5,87		5,87		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
4	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021, xã Sơn Phú	14,31		14,31		13,12	1,19		1,19		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao				Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Lý do kéo dài	
			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Sự nghiệp môi trường			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Sự nghiệp môi trường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021, xã Yên Hoa	77,40	26,97	50,43		73,153	4,25	4,25			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022, HUYỆN CHIÊM HÓA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao				Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022				Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Lý do kéo dài
			Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn khác			Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	2.853,503	788,843	1.316,660	748,000	2.405,344	448,159	89,652	39,007	319,500		
1	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Khun Cúc, xã Kiên Đài	626,821		626,821		624,928	1,893		1,893		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
2	Xây dựng nghĩa trang xã Kiên Đài	180,000		180,000		155,500	24,500		24,500		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
3	Phòng học các trường mầm non Phúc sơn, Hùng Mỹ, Ngọc Hội, Hòa An, Hòa Phú	219,839		219,839		214,954	4,885		4,885		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao				Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Lý do kéo dài	
			Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn khác			Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Sửa chữa cầu treo Bán Sao xã Tri Phú	290,000		290,000		282,271	7,729		7,729		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
5	Bổ sung bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021 xã Yên Nguyên	195,865	195,865			159,800	36,065	36,065			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
6	Bổ sung bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021 thị trấn Vĩnh Lộc	400,347	400,347			364,595	35,752	35,752			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
7	Bổ sung bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021 xã Trung Hòa	37,797	37,797			34,260	3,537	3,537			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
8	Bổ sung bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021 xã Hòa An	154,834	154,834			140,536	14,298	14,298			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
9	Quy hoạch Khu dân cư và khu thương mại dịch vụ tại xã Phúc Thịnh	498,000			498,000	428,500	69,500			69,500	Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao				Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Lý do kéo dài	
			Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn khác			Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
10	Đề án phát triển du lịch huyện Chiêm Hóa	250,000			250,000		250,000			250,000	Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

CHI TIẾT DANH MỤC CÔNG TRÌNH THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022, HUYỆN YÊN SƠN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao							Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết đề nghị được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022							Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó							Lý do kéo dài
			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG CỘNG	52.351,592	18.999,504	12.759,000	200,000	20.098,073	250,000	45,015	44.590,090	7.418,090	1.906,002	2.934,127	18,588	2.496,706	56,463	6,204		
1	Quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng công trình nhà lớp học 03 tầng 12 phòng trường Mầm non Tân Long, huyện Yên Sơn	3.000,000		3.000,000					2.704,729	295,271		295,271						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
2	Xây dựng 04 phòng chức năng tầng 2 phân hiệu Chè Đen, Trường mầm non Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	1.000,000		1.000,000					933,000	67,000		67,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
3	Xây dựng khối phòng quản trị; phòng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ phân hiệu Chè Đen, Trường mầm non Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	1.500,000		1.500,000					1.000,000	500,000		500,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
4	Xây dựng 03 phòng học và công trình phụ trợ phân hiệu thôn Húc, trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	1.200,000		1.200,000					581,000	619,000		619,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
5	Quy hoạch chi tiết trường Tiểu học Tân Long và đầu tư xây dựng công trình Xây dựng khối phòng hành chính quản trị, phòng học bộ môn và công trình phụ trợ trường Tiểu học Tân Long, xã Tân Long, huyện Yên Sơn	1.500,000		1.500,000					1.351,000	149,000		149,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
6	Xây dựng 04 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; nhà bếp và công trình phụ trợ phân hiệu Cường Đạt, trường Mầm non Tân Long, huyện Yên Sơn	1.600,000		1.600,000					1.499,000	101,000		101,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao							Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết đề nghị được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022							Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó							Lý do kéo dài
			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22
7	Xây dựng khối phòng hành chính quản trị, khối phòng hỗ trợ học tập trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	2.659,000		2.659,000					1.474,000	1.185,000		1.185,000					Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
8	Công trình khắc phục sự cố hư hỏng cầu treo thôn Đồng trang, xã Hùng Lợi	300,000		300,000					282,144	17,856		17,856					Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
9	Xây dựng nghĩa trang thực hiện tiêu trí nông thôn mới xã Tân Tiến	200,000			200,000				181,000	18,588		18,588					Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
10	Công trình đền bù giải phóng mặt bằng tuyến đường D2 từ trung tâm huyện nối với đường DH17 tại thôn Nghĩa Trung, xã Thắng Quân	2.004,500	2.004,500						2.004,042	0,458	0,458						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
11	công trình: Công trào khu trung tâm huyện Yên Sơn	611,307	611,307						585,513	25,794	25,794						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
12	công trình: Công trào trên tuyến đường D2 và đường I-D2 trung tâm huyện Yên Sơn.	828,849	828,849						794,904	33,945	33,945						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
13	công trình: Điều chỉnh quy hoạch khu trung tâm xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	300,000	300,000						211,599	88,401	88,401						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
14	Công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn (Ban QL)	257,845	257,845						196,478	61,367	61,367						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao							Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết đề nghị được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022							Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó							Lý do kéo dài
			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22
15	Công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HDND và UBND xã Quý Quân, huyện Yên Sơn (Ban QL)	277,739	277,739						224,288	53,451	53,451						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
16	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 5, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 1)	3.000,000	3.000,000						2.950,000	50,000	50,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
17	Quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tại xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	170,000	170,000						148,084	21,916	21,916						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
18	Đền bù giải phóng mặt bằng khu dân cư thôn 14, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn.	7.507,623	7.507,623						7.452,162	55,461	55,461						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
19	Quy hoạch chi tiết xây dựng Sân thể thao, Nhà văn hóa, Trường Tiểu học, Trường Mầm non, khu dân cư thôn Hưng Quốc, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	250,000	250,000						205,496	44,504	44,504						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
20	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng xây cửa hàng kinh doanh tổng hợp và khu dân cư xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	550,000	550,000						378,297	171,703	171,703						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
21	Xây dựng tuyến đường trục chính D2 từ Ban chỉ huy quân sự huyện đi khu tái định cư Đồng Chằm, huyện Yên Sơn	500,000	500,000						-	500,000	500,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
22	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư tại xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	250,000	250,000						216,600	33,400	33,400						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao							Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết đề nghị được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022							Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó							Lý do kéo dài
			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22
23	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư và Trung tâm thương mại xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	250,000	250,000						215,277	34,723	34,723						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
24	Quy hoạch chi tiết xây dựng công trình trụ sở, trạm y tế sân thể thao và khu dân cư xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	66,537	66,537						-	66,537	66,537						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
25	Quy hoạch chi tiết xây dựng công trình Trung tâm thị trấn huyện lỵ Yên Sơn	501,649	501,649						465,469	36,180	36,180						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
26	Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	153,491	153,491						-	153,491	153,491						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
27	Nhà vệ sinh trường THCS Chiêu Yên, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	1,570	1,570						-	1,570	1,570						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
28	Cải tạo, sửa chữa công, hàng rào, nhà ăn và xây dựng nhà để xe trung tâm hành chính huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	300,000	300,000						227,000	73,000	73,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
29	Đường giao thông tuyến N-O khu trung tâm huyện lỵ Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	350,000	350,000						-	350,000	350,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
30	Cấp kinh phí cho BQL công trình Xây dựng đường giao thông tuyến E-F khu trung tâm huyện lỵ Yên Sơn	518,394	518,394						518,294	0,100	0,100						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao							Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết đề nghị được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022							Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó							Lý do kéo dài
			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22
31	Đường giao thông từ thôn Dèo Trám, xã Tiến Bộ đi thôn Lương Cải, xã Công Đa, huyện Yên Sơn	350,000	350,000						300,000	50,000	50,000						Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
32	Nhà bếp ăn trường THCS Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	45,015						45,015	38,811	6,204						6,204	Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
33	Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Mầm non xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	250,000					250,000		193,537	56,463					56,463		Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
34	Xây dựng tuyến đường trục chính D2 từ trung tâm huyện nối với đường DH 17 tại thôn Nghĩa Trung, xã Thảng Quán, huyện Yên Sơn	3.696,192				3.696,192			3.090,599	262,593				262,593			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
35	công trình: Đường giao thông DT.188 đi qua khu quy hoạch trung tâm xã Quý Quán, huyện Yên Sơn	5.000,000				5.000,000			4.996,910	3,090				3,090			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
36	công trình: Trồng cây xanh trên vỉa hè và dải phân cách tuyến đường D2, khu trung tâm huyện Yên Sơn.	700,000				700,000			668,000	32,000				32,000			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
37	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng công trình Chợ Văn hoá Nà Ho, xã Trung Sơn	150,000				150,000			138,655	11,345				11,345			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
38	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường DH 02, Thái Bình - Công Đa (Đoạn từ km 7+00 đến km 12+280), Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 2)	5.300,000				5.300,000			5.116,000	184,000				184,000			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NDCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021 được giao							Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết đề nghị được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022							Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó							Lý do kéo dài
			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác			Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	Chương trình MTQG xây dựng NTM	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục	Nguồn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22
39	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 5, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	3.361,885				3.361,885			3.104,465	257,420				257,420			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
40	Công trình sửa chữa, cải tạo phòng họp tầng 5 trụ sở huyện ủy Yên Sơn (Văn phòng huyện) PTKTXH	600,000				600,000			-	600,000				600,000			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
41	Sàn nền và đường giao thông khu quy hoạch dân cư nhà máy Z113	389,996				389,996			143,739	246,257				246,257			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
42	Xây dựng tuyến đường trục chính D2 từ khu trung tâm huyện nối với đường ĐH 17 tại tổ dân phố Nghĩa Trung, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn (giai đoạn 4)	300,000				300,000			-	300,000				300,000			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
43	Xây dựng tuyến đường trục chính D2 từ khu trung tâm huyện nối với đường ĐH 17 tại tổ dân phố Nghĩa Trung, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn (giai đoạn 5)	300,000				300,000			-	300,000				300,000			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	
44	Xây dựng đường giao thông từ Km 145+500 QL2 nối đến đường Quang Trung kéo dài thuộc tổ dân phố Nghĩa Trung, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn	300,000				300,000			-	300,000				300,000			Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	